

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỒ SƠ NĂNG LỰC

**THẨM ĐỊNH E-HSMT VÀ
KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

CÔNG TY TNHH TÂY NAM PHÁT

**ĐỊA CHỈ: 27, HẺM 01, NGUYỄN VĂN RÓP, KP1, P4, TP. TÂY
NINH, TỈNH TÂY NINH.**

ĐIỆN THOẠI: 0914.333.852

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3900368440

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 03 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 03 tháng 04 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TÂY NAM PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TNP CO.,LTD

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH TÂY NAM PHÁT

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 27, Hẻm 1, đường Nguyễn Văn Rốp, Khu phố 1, Phường 4, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 02763811000

Fax:

Email: tnp2005@ymail.com

Website:

3. Vốn điều lệ

2.688.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRỊNH THỊ DUNG	Việt Nam	Số 28/17 khu phố 1, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	2.093.000.000	77,870	290650272	
2	VŨ ĐỨC TUẤN	Việt Nam	Số 27, Hẻm 1, Phường 4, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	595.000.000	22,130	036076021170	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **VŨ ĐỨC TUẤN**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: **09/10/1976**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **036076021170**

Ngày cấp: **16/08/2022**

Nơi cấp: **Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **Số 28/17 Khu phố 1, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây
Ninh, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **Số 27, Hẻm 1, Phường 4, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt
Nam**

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Hồng Thắm

Số:



3136/22

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Tây Ninh*

Địa chỉ trụ sở: *Số 300 đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*

Điện thoại: *0276 3822854* Fax:

Email: *dkkdtayninh@gmail.com* Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH TÂY NAM PHÁT**

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: **3900368440**

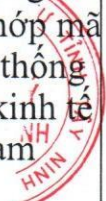
Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
2	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
3	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
4	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
5	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
6	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649
7	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
9	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10	Chuẩn bị mặt bằng	4312
11	Phá dỡ	4311
12	Lắp đặt hệ thống điện	4321
13	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329



STT	Tên ngành	Mã ngành
14	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp - Giám sát thi công xây dựng - Tư vấn lập dự án đầu tư - Tư vấn quản lý dự án đầu tư - Tư vấn đấu thầu Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình Thiết kế nội – ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình Thiết kế điện – cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió – cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin – liên lạc công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy – chữa cháy Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; Kiểm định, giám sát chất lượng công trình xây dựng Dịch vụ tư vấn bao gồm: lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc, khảo sát lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đánh giá tác động môi trường; khảo sát, lập thiết kế, dự toán; lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm tra, thẩm định; giám sát; quản lý dự án; thu xếp tài chính; kiểm toán, đào tạo, chuyển giao công nghệ Thẩm định trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư : việc kiểm tra, đánh giá kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả mời quan tâm, kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư để làm cơ sở xem xét, quyết định phê duyệt	7110(Chính)
15	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
16	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
17	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
18	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
19	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622

STT	Tên ngành	Mã ngành
20	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
21	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
22	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
23	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
24	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
25	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
26	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
27	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
28	Xây dựng công trình điện	4221
29	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
30	Xây dựng nhà để ở	4101
31	Xây dựng nhà không để ở	4102
32	Xây dựng công trình thủy	4291
33	Xây dựng công trình đường sắt	4211
34	Xây dựng công trình đường bộ	4212
35	- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm; - Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư; - Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 

Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): VŨ ĐỨC TUẤN Điện thoại: 0975077077
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: NGUYỄN THỊ XÍ Điện thoại: 01685261931

3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số 27, Hẻm 1, đường Nguyễn Văn Rốp, Khu phố 1, Phường 4, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam Điện thoại: 02763811000 Fax: Email:
4	Hình thức hạch toán: Hạch toán độc lập
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12
6	Tổng số lao động: 5
7	Phương pháp tính thuế GTGT:
8	Có báo cáo tài chính hợp nhất: Không
9	Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh: Không

Nơi nhận:

-CÔNG TY TNHH TÂY NAM PHÁT.
Địa chỉ:Số 27, Hẻm 1, đường Nguyễn Văn Rốp, Khu phố 1, Phường 4, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

-.....;

- Lưu: Phạm Hồng Ngân Hà.....



Phạm Hồng Thẩm

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẦU THẦU
ĐỐI VỚI LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

CỤC QUẢN LÝ ĐẦU THẦU

Cấp cho Ông (Bà) : Lê Minh Trí

Ngày sinh : 28/01/1983

Số thẻ căn cước/ hộ chiếu: 052083000398

Xếp loại chứng chỉ : Gia hạn

Hiệu lực chứng chỉ : 05 năm kể từ ngày 01/01/2025

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2025

CỤC TRƯỞNG

Số chứng chỉ: NT01.07.1629

Trần Hào Hùng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
CỤC QUẢN LÝ ĐẦU THẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU

Chứng nhận: Ông (Bà) **Võ Tuấn Anh**

Ngày sinh **09/01/1992**..... Quê quán: **Tây Ninh**

Số CMND/Thẻ căn cước/Số hộ chiếu: **072092004202**

Đã được cấp

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU

Lĩnh vực: **1. Xây lắp, mua sắm hàng hóa, phi tư vấn**
2. Tư vấn

Thời hạn sử dụng: 05 năm, kể từ ngày **22**.....tháng **6**.....năm **2022**

(Quyết định số **802**...../QĐ-QLĐT ngày **22**.....tháng **6**.....năm **2022**

của Cục trưởng Cục QLĐT)

Hà Nội, ngày **22**.....tháng **6**.....năm **2022**

CỤC TRƯỞNG CỤC QLĐT

Số: **C01.29.16461**.....

Cấp lần đầu ngày 22 tháng 6 năm 2022

CỤC QUẢN LÝ ĐẦU THẦU
Trần Hào Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHŨNG CHỈ

HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 28 tháng 8 năm 2021.

HỢP ĐỒNG

Số: 250/2021/HĐKT

VỀ VIỆC:

**THẨM ĐỊNH HỒ SƠ MỜI THẦU, THẨM ĐỊNH
DANH SÁCH NHÀ THẦU ĐẠT BƯỚC KỸ THUẬT
VÀ KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU.**

Gói thầu: Công in vé số truyền thống 06 chữ số, mệnh giá 10.000 đồng

Dự toán: Công in vé số truyền thống 06 chữ số, mệnh giá 10.000 đồng.

giữa

**CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỐ KIẾN THIẾT VÀ
DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC.**

và

CÔNG TY TNHH TÂY NAM PHÁT

PHẦN 1 – CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 09 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Ban hành quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu dịch vụ phi tư vấn;

Căn cứ Quyết định số 272/QĐ-XSKT ngày 16/8/2021 của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Bình Phước về việc phê duyệt dự toán: Công in vé số truyền thống 06 chữ số, mệnh giá 10.000 đồng;

Căn cứ Quyết định số ... /QĐ-XSBP ngày 24 tháng 08 năm 2021 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Bình Phước về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Công in vé số truyền thống 06 chữ số, mệnh giá 10.000 đồng;

Căn cứ Quyết định số ... /QĐ-XSBP ngày 26 tháng 08 năm 2021 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Bình Phước về việc phê duyệt chỉ định thầu đơn vị tư vấn thẩm định HSMT, thẩm định danh sách nhà thầu đạt bước kỹ thuật và kết quả lựa chọn nhà thầu dự toán: Công in vé số truyền thống 06 chữ số, mệnh giá 10.000 đồng,

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, tại Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Bình Phước, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Một bên là:

Chủ đầu tư

- Tên giao dịch: **CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC.**

- Tên giao dịch: **Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Bình Phước**

- Đại diện: Ông **Nguyễn Đăng Khoa**

Chức vụ: **Giám đốc**

- Địa chỉ: Số 725 QL 14, phường Tân Bình, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Điện thoại: 0271.3870296

Fax: 0271.3870296

- Mã số thuế: 3800100513

- Tài khoản số: 65510000002498 tại BIDV chi nhánh Bình Phước

Và bên kia là :

Nhà thầu

- Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH TÂY NAM PHÁT.**

- Đại diện: Ông **Vũ Đức Tuấn** - Chức vụ: **Giám đốc**.
- Địa chỉ: Số 27 hẻm 1, đường Nguyễn Văn Rốp, khu phố 1, phường 4, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại: 0276.3811.000.
- Mã số thuế: 3900368440.
- Tài khoản số: 5700 2010 10879 mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Tây Ninh.

Các bên thống nhất thoả thuận như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

- 1.1. Chủ đầu tư là Công ty TNHH MTV Xô số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Bình Phước.
- 1.2. Nhà thầu là Công ty TNHH Tây Nam Phát.
- 1.3. Gói thầu: Công in vé số truyền thống 06 chữ số, mệnh giá 10.000 đồng.
- 1.4. Thuộc Dự toán: Công in vé số truyền thống 06 chữ số, mệnh giá 10.000 đồng.
- 1.5. Đại diện chủ đầu tư là người được chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho chủ đầu tư điều hành công việc
- 1.6. Đại diện nhà thầu là người được nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được nhà thầu chỉ định và thay mặt nhà thầu điều hành công việc.
- 1.7. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng thẩm định HSMT, thẩm định danh sách nhà thầu đạt bước kỹ thuật và kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên].
- 1.8. Bên là chủ đầu tư hoặc nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
- 1.9. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
- 1.10. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng; các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này và các tài liệu tại khoản 2.2 dưới đây.

2.2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng thẩm định HSMT, thẩm định danh sách nhà thầu đạt bước kỹ thuật và kết quả lựa chọn nhà thầu. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Quyết định chỉ định thầu

- b) Biên bản thương thảo hợp đồng.
- c) Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 3. Trao đổi thông tin

3.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

3.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

- 4.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
- 4.2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc:

Nhà thầu thực hiện Thẩm định bao gồm các nội dung sau:

5.1. Thẩm định HSMT gói thầu: Công in vé số truyền thống 06 chữ số, mệnh giá 10.000 đồng đúng quy định.

5.2. Thẩm định danh sách nhà thầu đạt bước kỹ thuật và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Công in vé số truyền thống 06 chữ số, mệnh giá 10.000 đồng đúng quy định.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu

6.1. Sản phẩm của Hợp đồng thẩm định bao gồm:

a. Báo cáo Thẩm định HSMT gói thầu: Công in vé số truyền thống 06 chữ số, mệnh giá 10.000 đồng đúng quy định.

b. Báo cáo Thẩm định danh sách nhà thầu đạt bước kỹ thuật và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Công in vé số truyền thống 06 chữ số, mệnh giá 10.000 đồng đúng quy định.

6.2. Số lượng hồ sơ sản phẩm của Hợp đồng bao gồm là 03 bộ báo cáo thẩm định HSMT và 03 bộ Báo cáo Thẩm định danh sách nhà thầu đạt bước kỹ thuật và kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Điều 7. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng: 20 ngày kể từ ngày khi đơn vị thẩm định nhận được đầy đủ hồ sơ trình thẩm định của từng nội dung thẩm định.

Điều 8. Giá hợp đồng, thanh toán

8.1. Giá hợp đồng: **50.281.000 đồng**. (Bao gồm VAT).

(Bằng chữ: Năm mươi triệu, hai trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

8.2. Số lần thanh toán: 01 lần sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu.

Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu, chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.

8.3. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

8.4. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 9. Điều chỉnh giá hợp đồng

- Giá hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:
- Phát sinh khối lượng công việc ngoài phạm vi hợp đồng.
- Chi phí cho những công việc phát sinh: Được xác định trên cơ sở khối lượng công việc phát sinh và đơn giá trong hợp đồng.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu

10.1. Quyền của nhà thầu:

- a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến công tác thẩm định.
- b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư.
- c) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn.

10.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:

- a) Đảm bảo rằng tất cả các công việc nhà thầu thực hiện theo hợp đồng này phải phù hợp với luật pháp của Việt Nam, nhân sự của đơn vị thẩm định luôn tuân thủ luật pháp.
- b) Thực hiện công việc thẩm định theo đúng nội dung và khối lượng công việc đã thỏa thuận và tuân thủ các quy định về đấu thầu.
- c) Thực hiện và chịu trách nhiệm đối với khối lượng và số lượng công việc đã thỏa thuận. Sản phẩm thẩm định phải được các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực theo qui định của pháp luật thực hiện, mang lại hiệu quả để hoàn thành kết quả lựa chọn nhà thầu.
- d) Nộp cho chủ đầu tư báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng.
- đ) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm.
- e) Nhà thầu sắp xếp, bố trí nhân lực của mình có kinh nghiệm và năng lực cần thiết để thực hiện công việc thẩm định.
- i) Tất cả sản phẩm cuối cùng khi bàn giao cho chủ đầu tư phải phù hợp với hợp đồng, có đủ căn cứ pháp lý.
- l) Nhà thầu phải tự thu xếp phương tiện đi lại của mình.
- m) Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước chủ đầu tư về quan hệ giao dịch, thực hiện công việc và thanh toán, quyết toán theo Hợp đồng với chủ đầu tư.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư

11.1. Quyền của chủ đầu tư:

- a) Không nghiệm thu sản phẩm không đạt chất lượng theo Hợp đồng.

- b) Kiểm tra công việc tư vấn của nhà thầu nếu thấy cần thiết.
- c) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn.
- d) Đình chỉ thực hiện hoặc yêu cầu chấm dứt hợp đồng theo quy định.

11.2. Nghĩa vụ của chủ đầu tư :

- a) Tạo điều kiện tốt nhất để nhà thầu thực hiện công việc thẩm định.
- b) Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của nhà thầu để nhà thầu thực hiện công việc thẩm định. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.
- c) Xem xét yêu cầu, đề xuất của nhà thầu liên quan đến thực hiện công việc thẩm định và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện
- d) Thanh toán cho nhà thầu toàn bộ giá hợp đồng theo đúng các qui định được thoả thuận trong Hợp đồng này.
- đ) Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của nhà thầu trong khoản thời gian 03 ngày. Nếu trong khoảng thời gian này chủ đầu tư không có ý kiến thì coi như chủ đầu tư đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của nhà thầu.
- e) Cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với nhà thầu.

Điều 12. Nhân lực của nhà thầu

12.1. Nhân lực của nhà thầu phải đủ điều kiện năng lực, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật về đấu thầu .

12.2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định cụ thể. Trường hợp thay đổi nhân sự, nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà thầu thì nhân sự đó coi như được chủ đầu tư chấp thuận.

12.3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho chủ đầu tư trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

12.4. Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 13. Thương, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

Phạt vi phạm hợp đồng: Đối với nhà thầu, nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 10 ngày thì phạt 0,2 % giá hợp đồng cho 10 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Điều 14. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

14.1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 03 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thoả thuận đã ký.

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

14.2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 03 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Toà án Nhân dân) theo qui định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Toà án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

14.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 15. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

15.1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của chủ đầu tư rằng nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo qui định của Hợp đồng, nhà thầu sẽ trình cho chủ đầu tư 03 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện Nhà thầu tư vấn (nếu có) và đại diện nhà thầu.

- + Bảng tính giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán (phụ lục 08b kèm theo Nghị định 11/2020/NĐ-CP, ngày 20/01/2020).

- + Hoá đơn theo qui định Bộ Tài chính.

15.2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng.

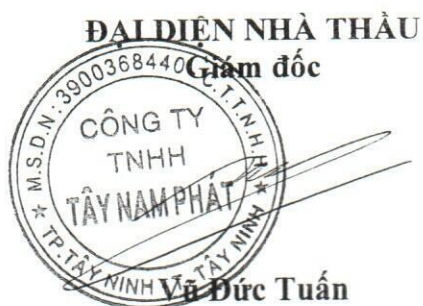
Điều 16. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 08 năm 2021.

Hợp đồng này bao gồm 08 trang, được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 04 bản, nhà thầu sẽ giữ 02 bản.



ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
Giám đốc

Nguyễn Đăng Khoa

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 1263 Quyển số 01 BCT/BS
Ngày 26 tháng 11 năm 2024
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG LONG THÀNH BẮC



Mai Huy Phương

BẢN SAO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2023

HỢP ĐỒNG

Số: 01/2023/HĐTVĐT

**Tư vấn thẩm định E-HSMT,
thẩm định danh sách nhà thầu đạt bước kỹ thuật
và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu**

**Gói thầu số 3: In vé xổ số truyền thống, thuộc dự án: In 52 kỳ vé xổ số
truyền thống từ tháng 6/2023 đến tháng 5/2024**

giữa

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BÌNH DƯƠNG
và

CÔNG TY TNHH TÂY NAM PHÁT



PHẦN 1 – CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về việc Quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 05 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-XS ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bình Dương về việc phê duyệt dự toán, dự án: In 52 kỳ vé xổ số truyền thống từ tháng 6/2023 đến tháng 5/2024;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-XS ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bình Dương về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án: In 52 kỳ vé xổ số truyền thống từ tháng 6/2023 đến tháng 5/2024;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 18 tháng 01 năm 2023 giữa Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bình Dương và Công ty TNHH Tây Nam Phát về việc Tư vấn thẩm định Hồ sơ mời thầu, thẩm định danh sách nhà thầu đạt bước kỹ thuật và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu số 3: In vé xổ số truyền thống, thuộc dự án: In 52 kỳ vé xổ số truyền thống từ tháng 6/2023 đến tháng 5/2024;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-XS ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bình Dương về việc chỉ định thầu đơn vị tư vấn thẩm định Hồ sơ mời thầu, thẩm định danh sách nhà thầu đạt bước kỹ thuật và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu số 3: In vé xổ số truyền thống thuộc dự án: In 52 kỳ vé xổ số truyền thống từ tháng 6/2023 đến tháng 5/2024.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 19 tháng 01 năm 2023, tại Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bình Dương, địa chỉ: Số 01, Huỳnh Văn Nghệ, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên A: (Chủ đầu tư)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT BÌNH DƯƠNG

Đại diện: Ông **Mai Thanh Bình**

Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số 01, Huỳnh Văn Nghệ, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274 3820086 -202

Mã số thuế: 3700149547

Số tài khoản: 65010000000275 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Bình Dương.

2. Bên B: (Nhà thầu)

CÔNG TY TNHH TÂY NAM PHÁT

Đại diện: Ông **Vũ Đức Tuấn** - Chức vụ: **Giám đốc**.

Địa chỉ: Số 27 hẻm 1, đường Nguyễn Văn Rốp, khu phố 1, phường 4, Tp.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 0276.3811.000

Email: tnp2005@ymail.com

Mã số thuế: 3900368440.

Tài khoản số: 5700 2010 10879 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Tây Ninh.

Các bên thống nhất thoả thuận như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

- 1.1. Chủ đầu tư là **Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Bình Dương**.
- 1.2. Nhà thầu là **Công ty TNHH Tây Nam Phát**.
- 1.3. Gói thầu số 3: **In vé xổ số truyền thống**.
- 1.4. Thuộc Dự án: **In 52 kỳ vé xổ số truyền thống từ tháng 6/2023 đến tháng 5/2024**.
- 1.5. Đại diện chủ đầu tư là Ông **Mai Thanh Bình**.
- 1.6. Đại diện nhà thầu là Ông **Vũ Đức Tuấn**.
- 1.7. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng thẩm định E-HSMT, thẩm định danh sách nhà thầu đạt bước kỹ thuật và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên].
- 1.8. Bên là chủ đầu tư hoặc nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
- 1.9. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
- 1.10. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng; các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này và các tài liệu tại khoản 2.2 dưới đây.

2.2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng thẩm định E-HSMT, thẩm định danh sách nhà thầu đạt bước kỹ thuật và

11/06/2023



thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a. Quyết định chỉ định thầu.
- b. Biên bản thương thảo hợp đồng.
- c. Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 3. Trao đổi thông tin

3.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

3.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

4.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

4.2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc

Chủ đầu tư giao nhà thầu thực hiện tư vấn thẩm định, bao gồm các nội dung sau:

5.1. Thẩm định E-HSMT, gói thầu số 3: In vé xổ số truyền thống thuộc dự án: In 52 kỳ vé xổ số truyền thống từ tháng 6/2023 đến tháng 5/2024.

5.2. Thẩm định danh sách nhà thầu đạt bước kỹ thuật và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu số 3: In vé xổ số truyền thống thuộc dự án: In 52 kỳ vé xổ số truyền thống từ tháng 6/2023 đến tháng 5/2024.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm thẩm định E-HSMT, thẩm định danh sách nhà thầu đạt bước kỹ thuật và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu

6.1. Sản phẩm của Hợp đồng thẩm định bao gồm:

a. Báo cáo thẩm định E-HSMT, gói thầu số 3: In vé xổ số truyền thống thuộc dự án: In 52 kỳ vé xổ số truyền thống từ tháng 6/2023 đến tháng 5/2024 theo đúng quy định.

b. Báo cáo thẩm định danh sách nhà thầu đạt bước kỹ thuật và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu số 3: In vé xổ số truyền thống thuộc dự án: In 52 kỳ vé xổ số truyền thống từ tháng 6/2023 đến tháng 5/2024 theo đúng quy định.

6.2. Số lượng hồ sơ sản phẩm của Hợp đồng bao gồm là 04 bộ Báo cáo thẩm định E-HSMT (01 bộ gốc + 03 bộ chính) và 04 bộ Báo cáo thẩm định danh sách nhà thầu đạt bước kỹ thuật và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (01 bộ gốc + 03 bộ chính).

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm

1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của Hợp đồng:

- a. Hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên.
- b. Báo cáo thẩm định E-HSMT, Báo cáo thẩm định danh sách nhà thầu đạt bước kỹ thuật và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.
- c. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho Hợp đồng tư vấn.

2. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần:

Sau khi nhà thầu hoàn thành khối lượng công việc tư vấn và giao đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày (trong đó 10 ngày cho mỗi nội dung thẩm định khi nhà thầu nhận đủ hồ sơ để thực hiện thẩm định), kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, bao gồm ngày nghỉ lễ, nghỉ tết và ngày nghỉ hằng tuần (thời gian trên không bao gồm các trường hợp bất khả kháng).

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, thanh toán, loại hợp đồng

1. Giá hợp đồng: **54.400.000 đồng** (đã bao gồm thuế GTGT). (Bằng chữ: Năm mươi bốn triệu, bốn trăm ngàn đồng).

2. Phương thức thanh toán: 01 lần sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu 100% giá trị hợp đồng trong vòng 14 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán của nhà thầu.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu.
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành (phụ lục 03.a/TT kèm theo Nghị định 99/2021/NĐ-CP, ngày 11/11/2021).
- Biên bản thanh lý hợp đồng.
- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng.

- Đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này.

- Hóa đơn tài chính theo quy định.

4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

5. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 10. Điều chỉnh giá hợp đồng

- Giá hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Phát sinh khối lượng công việc ngoài phạm vi hợp đồng.

- Chi phí cho những công việc phát sinh: Được xác định trên cơ sở khối lượng công việc phát sinh và đơn giá trong hợp đồng.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu

11.1. Quyền của nhà thầu:

a. Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến công tác thẩm định.

b. Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư.

c. Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn.

11.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:

a. Đảm bảo rằng tất cả các công việc nhà thầu thực hiện theo hợp đồng này phải phù hợp với luật pháp của Việt Nam, nhân sự của đơn vị thẩm định luôn tuân thủ luật pháp.

b. Thực hiện công việc thẩm định theo đúng nội dung và khối lượng công việc đã thỏa thuận và tuân thủ các quy định về đấu thầu.

c. Thực hiện và chịu trách nhiệm đối với khối lượng và số lượng công việc đã thỏa thuận. Sản phẩm thẩm định phải được các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật thực hiện, mang lại hiệu quả để hoàn thành kết quả lựa chọn nhà thầu.

d. Nộp cho Chủ đầu tư báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng.

đ. Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm.

e. Nhà thầu sắp xếp, bố trí nhân lực của mình có kinh nghiệm và năng lực cần thiết để thực hiện công việc thẩm định.

i. Tất cả sản phẩm cuối cùng khi bàn giao cho chủ đầu tư phải phù hợp với hợp đồng, có đủ căn cứ pháp lý.

l. Nhà thầu phải tự thu xếp phương tiện đi lại của mình.

m. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước chủ đầu tư về quan hệ giao dịch, thực hiện công việc và thanh toán, quyết toán theo Hợp đồng với Chủ đầu tư.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư

12.1. Quyền của Chủ đầu tư:

- a) Không nghiệm thu sản phẩm không đạt chất lượng theo Hợp đồng.
- b) Kiểm tra công việc tư vấn của nhà thầu nếu thấy cần thiết.
- c) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn.
- d) Đình chỉ thực hiện hoặc yêu cầu chấm dứt hợp đồng theo quy định.

12.2. Nghĩa vụ của chủ đầu tư:

- a. Tạo điều kiện tốt nhất để nhà thầu thực hiện công việc thẩm định.
- b. Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của nhà thầu để nhà thầu thực hiện công việc thẩm định. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.
- c. Xem xét yêu cầu, đề xuất của nhà thầu liên quan đến thực hiện công việc thẩm định và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện
- d. Thanh toán cho nhà thầu toàn bộ giá hợp đồng theo đúng các qui định được thoả thuận trong Hợp đồng này.
- đ. Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của nhà thầu trong khoản thời gian 03 ngày. Nếu trong khoảng thời gian này chủ đầu tư không có ý kiến thì coi như Chủ đầu tư đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của Nhà thầu.
- e. Cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với Nhà thầu.

Điều 13. Nhân lực của nhà thầu

13.1. Nhân lực của nhà thầu phải đủ điều kiện năng lực, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật về đấu thầu.

13.2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định cụ thể. Trường hợp thay đổi nhân sự, nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

13.3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho chủ đầu tư trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

13.4. Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ

Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 14. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

Nếu Nhà thầu vi phạm các quy định của Luật Đấu thầu về: Trình tự, thủ tục lập báo cáo thẩm định, đấu thầu, xét thầu thì sẽ bị phạt 5% giá trị phần hợp đồng tư vấn bị vi phạm.

Nếu Nhà thầu vi phạm về thời gian thực hiện hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không phải do lỗi của Chủ đầu tư gây ra, Nhà thầu sẽ bị phạt 2% giá trị hợp đồng cho mỗi 3 (ba) ngày chậm tiến độ thực hiện hợp đồng.

Tổng mức phạt cho một hợp đồng không vượt quá 12% giá trị hợp đồng.

Điều 15. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

15.1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 03 ngày. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thoả thuận đã ký.

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

15.2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 03 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo qui định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

15.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 16. Bất khả kháng

16.1. Bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường hết được...

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải:

Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa.

Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

16.2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 17. Điều khoản chung

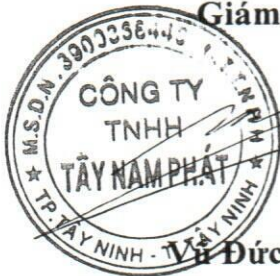
Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2023.

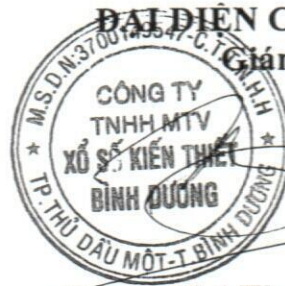
Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 03 (ba) bản, nhà thầu sẽ giữ 02 (hai) bản. /

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
Giám đốc



Vũ Đức Tuấn

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
Giám đốc **TN**



Mai Thanh Bình

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 1264 Quyền số 01 BCT/B

Ngày 26 tháng 11 năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG LONG THÀNH BẮC



Mai Huy Phương

CHỦNG THỰC VÀ GIẢI ĐÁP CÁC CÂU HỎI
TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI VÀ CÁC CÂU HỎI
TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI VÀ CÁC CÂU HỎI



CHỦNG THỰC VÀ GIẢI ĐÁP CÁC CÂU HỎI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 4 tháng 11 năm 2022.

HỢP ĐỒNG
Số: 550/2022/HĐKT
VỀ VIỆC:
THẨM ĐỊNH E-HSMT
KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU.

Gói thầu số 01: Công in vé số truyền thống và vé số tự chọn năm 2023
Thuộc Dự toán: Mua sắm tài sản, hàng hóa và dịch vụ năm 2023.

giữa

CÔNG TY TNHH MTV XSKT TÂY NINH

và

CÔNG TY TNHH TÂY NAM PHÁT



PHẦN 1 – CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về việc Quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/05/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Quy định chi tiết việc cung cấp đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 197/QĐ-XSKT.KH ngày 02/11/2022 của giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh phê duyệt dự toán: Mua sắm tài sản, hàng hóa và dịch vụ năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 198/QĐ-XSKT.KH ngày 03/11/2022 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Tây Ninh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự toán: Mua sắm tài sản, hàng hóa và dịch vụ năm 2023;

Thực hiện theo Quyết định phê duyệt chỉ định thầu đơn vị thẩm định E-HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu số: ~~201~~ /QĐ-XSKT.KH ngày 4 tháng 11 năm 2022 của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Tây Ninh, gói thầu số 01: Công in vé số truyền thống và vé số tự chọn năm 2023 thuộc dự toán: Mua sắm tài sản, hàng hóa và dịch vụ năm 2023,

Trên cơ sở Thương thảo Hợp đồng giữa Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Tây Ninh và Công ty TNHH Tây Nam Phát.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, tại Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Tây Ninh, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Một bên là:

Chủ đầu tư

- Tên giao dịch: **CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT TÂY NINH**
- Đại diện là ông: **Nguyễn Thanh Phong** - Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ: 315 A, đường Trần Hưng Đạo, khu phố 1, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Tài khoản: 66110000000284 - Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tây Ninh.

- Điện thoại: 02763 822692

- Mã số thuế: 3900244438

Và bên kia là :

Nhà thầu

- Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH TÂY NAM PHÁT.**
- Đại diện: Ông **Vũ Đức Tuấn** - Chức vụ: **Giám đốc.**
- Địa chỉ: Số 27 hẻm 1, đường Nguyễn Văn Rốp, khu phố 1, phường 4, TP.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại: 0276.3811.000.

44
NG
CHIE
THA
KI
YI
NH

- Mã số thuế: 3900368440.

- Tài khoản số: 5700 2010 10879 mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Tây Ninh.

Các bên thống nhất thoả thuận như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

- 1.1. Chủ đầu tư là Công ty TNHH MTV Xô số Kiến thiết Tây Ninh.
- 1.2. Nhà thầu là Công ty TNHH Tây Nam Phát.
- 1.3. Gói thầu số 01: Công in vé số truyền thống và vé số tự chọn năm 2023.
- 1.4. Thuộc Dự toán: Mua sắm tài sản, hàng hóa và dịch vụ năm 2023.
- 1.5. Đại diện chủ đầu tư là người được chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho chủ đầu tư điều hành công việc
- 1.6. Đại diện nhà thầu là người được nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được nhà thầu chỉ định và thay mặt nhà thầu điều hành công việc.
- 1.7. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng thẩm định E-HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên].
- 1.8. Bên là chủ đầu tư hoặc nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
- 1.9. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
- 1.10. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng; các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này và các tài liệu tại khoản 2.2 dưới đây.

2.2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng thẩm định E-HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Quyết định chỉ định thầu
- b) Biên bản thương thảo hợp đồng.
- c) Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 3. Trao đổi thông tin

3.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

3.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

- 4.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
- 4.2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc:

Nhà thầu thực hiện Thẩm định bao gồm các nội dung sau:

5.1. Thẩm định E-HSMT gói thầu 01: Công in vé số truyền thống và vé số tự chọn năm 2023.

5.2. Thẩm định hồ sơ đề xuất kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu 01: Công in vé số truyền thống và vé số tự chọn năm 2023.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu

6.1. Sản phẩm của Hợp đồng thẩm định bao gồm:

a. Báo cáo thẩm định E-HSMT gói thầu số 01: Công in vé số truyền thống và vé số tự chọn năm 2023 theo đúng quy định.

b. Báo cáo thẩm định hồ sơ đề xuất kỹ thuật, kết quả LCNT gói thầu số 01: Công in vé số truyền thống và vé số tự chọn năm 2023 theo đúng quy định.

6.2. Số lượng hồ sơ sản phẩm của Hợp đồng bao gồm là 03 bộ báo cáo thẩm định E-HSMT và 03 bộ báo cáo thẩm định hồ sơ đề xuất kỹ thuật, kết quả LCNT theo quy định.

Điều 7. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng: 15 ngày kể từ ngày khi đơn vị thẩm định nhận được đầy đủ hồ sơ trình thẩm định của từng nội dung thẩm định.

Điều 8. Giá hợp đồng, thanh toán

8.1. Giá hợp đồng: **35.000.000 đồng.** (Bao gồm 8% VAT).

Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu đồng

8.2. Số lần thanh toán: 01 lần sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu.

Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu, chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.

8.3. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

8.4. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 9. Điều chỉnh giá hợp đồng

- Giá hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Phát sinh khối lượng công việc ngoài phạm vi hợp đồng.

- Chi phí cho những công việc phát sinh: Được xác định trên cơ sở khối lượng công việc phát sinh và đơn giá trong hợp đồng.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu

10.1. Quyền của nhà thầu:

a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến công tác thẩm định.

b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư.

c) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn.

10.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:

a) Đảm bảo rằng tất cả các công việc nhà thầu thực hiện theo hợp đồng này phải phù hợp với luật pháp của Việt Nam, nhân sự của đơn vị thẩm định luôn tuân thủ luật pháp.

b) Thực hiện công việc thẩm định theo đúng nội dung và khối lượng công việc đã thỏa thuận và tuân thủ các quy định về đấu thầu.

c) Thực hiện và chịu trách nhiệm đối với khối lượng và số lượng công việc đã thỏa thuận. Sản phẩm thẩm định phải được các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực

theo qui định của pháp luật thực hiện, mang lại hiệu quả để hoàn thành kết quả lựa chọn nhà thầu.

d) Nộp cho chủ đầu tư báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng.

đ) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm.

e) Nhà thầu sắp xếp, bố trí nhân lực của mình có kinh nghiệm và năng lực cần thiết để thực hiện công việc thẩm định.

i) Tất cả sản phẩm cuối cùng khi bàn giao cho chủ đầu tư phải phù hợp với hợp đồng, có đủ căn cứ pháp lý.

l) Nhà thầu phải tự thu xếp phương tiện đi lại của mình.

m) Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước chủ đầu tư về quan hệ giao dịch, thực hiện công việc và thanh toán, quyết toán theo Hợp đồng với chủ đầu tư.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư

11.1. Quyền của chủ đầu tư:

a) Không nghiệm thu sản phẩm không đạt chất lượng theo Hợp đồng.

b) Kiểm tra công việc tư vấn của nhà thầu nếu thấy cần thiết.

c) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn.

d) Đình chỉ thực hiện hoặc yêu cầu chấm dứt hợp đồng theo quy định.

11.2. Nghĩa vụ của chủ đầu tư :

a) Tạo điều kiện tốt nhất để nhà thầu thực hiện công việc thẩm định.

b) Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của nhà thầu để nhà thầu thực hiện công việc thẩm định. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

c) Xem xét yêu cầu, đề xuất của nhà thầu liên quan đến thực hiện công việc thẩm định và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện

d) Thanh toán cho nhà thầu toàn bộ giá hợp đồng theo đúng các qui định được thoả thuận trong Hợp đồng này.

đ) Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của nhà thầu trong khoản thời gian 03 ngày. Nếu trong khoảng thời gian này chủ đầu tư không có ý kiến thì coi như chủ đầu tư đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của nhà thầu.

e) Cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với nhà thầu.

Điều 12. Nhân lực của nhà thầu

12.1. Nhân lực của nhà thầu phải đủ điều kiện năng lực, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật về đấu thầu .

12.2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định cụ thể. Trường hợp thay đổi nhân sự, nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà thầu thì nhân sự đó coi như được chủ đầu tư chấp thuận.

12.3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho chủ đầu tư trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

12.4. Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 13. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

Phạt vi phạm hợp đồng: Đối với nhà thầu, nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 10 ngày thì phạt 0,2 % giá hợp đồng cho 10 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Điều 14. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

14.1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 03 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

14.2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 03 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo qui định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

14.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 15. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

15.1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của chủ đầu tư rằng nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo qui định của Hợp đồng,

nhà thầu sẽ trình cho chủ đầu tư 03 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện Nhà thầu tư vấn (nếu có) và đại diện nhà thầu.

+ Bảng tính giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán (phụ lục 03.a/TT kèm theo Nghị định 99/2021/NĐ-CP, ngày 11/11/2021)

+ Hoá đơn theo qui định Bộ Tài chính.

15.2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng.

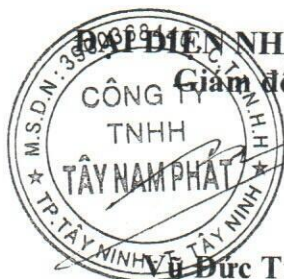
Điều 16. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

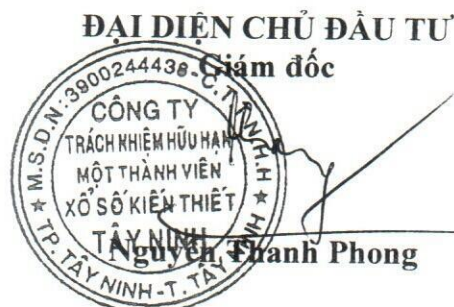
Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2022.

Hợp đồng này bao gồm 08 trang, được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 03 bản, nhà thầu sẽ giữ 01 bản.



Vũ Đức Tuấn



Nguyễn Thanh Phong

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực:.....quyển số: 01 SCT/BS

Ngày: 26 -11- 2024

Ủy ban nhân dân Phường IV
CHỦ TỊCH



Đào Thị Kim Loan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 28 tháng 10 năm 2024

HỢP ĐỒNG

Số: 65/2024/HĐ-TVTĐ

**Gói thầu: “Tư vấn thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu” thuộc dự
toán mua sắm: Thiết kế QR code và in QR code: Thực hiện lắp đặt các điểm quét
mã QR tại các di tích, điểm tham quan (17 điểm)**

giữa

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH TÂY NINH

và

CÔNG TY TNHH TÂY NAM PHÁT

- Năm 2024 -

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Điều 2. Loại hợp đồng

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

Điều 4. Trao đổi thông tin

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 9. Giá hợp đồng

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

Điều 13. Nhà thầu phụ (nếu có)

Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 15. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Điều 16. Bảo hiểm

Điều 17. Rủi ro và bất khả kháng

Điều 18. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

Điều 19. Chấm dứt hợp đồng

Điều 20. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 23. Tạm ứng và thanh toán

Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 25. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 26. Điều khoản chung

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 2. Loại hợp đồng

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 9. Giá hợp đồng

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 19. Chấm dứt hợp đồng

Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 23. Tạm ứng và thanh toán

Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 25. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 26. Điều khoản chung

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 28 tháng 10 năm 2024 tại văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tây Ninh, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (sau đây gọi tắt là bên A): **Sở Thông tin và Truyền thông**

Đại diện ông: **Nguyễn Trung Hiếu** Chức vụ: **Phó Giám đốc**

Địa chỉ: Số 06 Trần Quốc Toản, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 0276.3824666

Fax: 0276.3812878

Mã số thuế: 3900820794

Số tài khoản: 9527.2.1031180

Tại Kho Bạc nhà nước Tây Ninh

(Giấy uỷ quyền số 948/GUQ-STTTT ngày 22/5/2024 của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông)

Và bên kia là:

2. Nhà thầu: (sau đây gọi tắt là bên B)

Tên giao dịch: Công ty TNHH Tây Nam Phát

Đại diện là ông **Vũ Đức Tuấn**

Chức vụ: **Giám đốc.**

Địa chỉ: Số 27, hẻm 1, Đường Nguyễn Văn Rốp, Khu phố 1, phường 4, Tp. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Tài khoản số: 5700 2010 10879 mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Tây Ninh.

Mã số thuế: 3900368440

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3900368440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02 tháng 3 năm 2005

Điện thoại: 0975.077.077

E-mail: leminhtri.tnp@gmail.com

Các bên thống nhất thoả thuận như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2023;

Căn cứ Thông tư 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, ngày 05/9/2019 của Chính phủ về việc Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 151/QĐ-STTTT ngày 18/10/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Thiết kế QR code và in QR code: Thực hiện lắp đặt các điểm quét mã QR tại các di tích, điểm tham quan (17 điểm)";

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 21/10/2024 giữa Sở Thông tin và Truyền thông với Công ty TNHH Tây Nam Phát;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-STTTT ngày 28/10/2024 của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu Gói thầu: Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc dự toán: Thiết kế QR code và in QR code: Thực hiện lắp đặt các điểm quét mã QR tại các di tích, điểm tham quan (17 điểm)".

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tây Ninh.
2. Nhà thầu tư vấn là Công ty TNHH Tây Nam Phát.
3. Dự án là dự án Thiết kế QR code và in QR code: Thực hiện lắp đặt các điểm quét mã QR tại các di tích, điểm tham quan (17 điểm)".
4. Công trình là Thiết kế QR code và in QR code: Thực hiện lắp đặt các điểm quét mã QR tại các di tích, điểm tham quan (17 điểm)".
5. Gói thầu là Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu.
6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
7. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.
8. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu tư vấn để trực tiếp thực hiện công việc.
9. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên].
10. HSMT (hoặc HSYC) của Chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu Hồ sơ mời thầu (hoặc Hồ sơ yêu cầu) của Chủ đầu tư.
11. HSDT (hoặc HSDX) của Nhà thầu tư vấn là toàn bộ tài liệu Hồ sơ dự thầu (hoặc Hồ sơ đề xuất) của Nhà thầu tư vấn.
12. Đơn dự thầu là đề xuất của Nhà thầu tư vấn có ghi giá dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của HSMT (hoặc HSYC).
13. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
14. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
15. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
16. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [quy định tại ĐKCT]

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;
 - b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;
 - c) Điều kiện chung của hợp đồng;
 - d) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;
 - đ) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
 - g) Các phụ lục của hợp đồng;
 - h) Các tài liệu khác có liên quan.
3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn

Bên A đồng ý giao Bên B thực hiện tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thiết kế QR code và in QR code: Thực hiện lắp đặt các điểm quét mã QR tại các di tích, điểm tham quan (17 điểm)" theo quy định của Luật Đấu thầu. Nội dung và phạm vi công việc cụ thể như sau:

- Lập Báo cáo thẩm định Hồ sơ mời thầu;
- Lập Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Bên B chịu trách nhiệm trước bên A về khối lượng, chất lượng công việc thực hiện theo đúng Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT cũng như các quy định hiện hành.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Nhà thầu tư vấn hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.

2. Báo cáo thẩm định E-HSMT; Báo cáo thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 9. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: [quy định tại **ĐKCT**].

b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 10 [Điều chỉnh giá hợp đồng tư vấn xây dựng].

2. Nội dung của giá hợp đồng

- Chi phí chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn đầu tư xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư.

- Chi phí khác có liên quan.

- Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm: Chi phí cho các cuộc họp của bên giao thầu; Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn; Chi phí khác mà các bên thỏa thuận không bao gồm trong giá hợp đồng.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng

- Điều chỉnh giá trong các trường hợp sau: Chỉ Điều chỉnh giá hợp đồng đối với những khối lượng công việc bổ sung hợp lý, những khối lượng thay đổi giảm so với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký và các trường hợp bất khả kháng. Thực hiện điều chỉnh theo quy định tại theo quy định tại: Điểm b, c, d Khoản 2 và Khoản 3 Điều 38 của Nghị định 37/2015/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP, Khoản 2 và 3 Điều 6 và Phụ lục I của Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/03/2023.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/03/2023.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn [quy định tại ĐKCT].

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn:

- a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn.
- b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.
- c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.
- d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).
- đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:

- a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.
- b) Đối với hợp đồng tư vấn: Sản phẩm hợp đồng phải đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng.
- c) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).
- d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.
- đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

o) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

p) Ngay sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán hay thông báo, kết luận thanh tra, kiểm toán liên quan đến dự án của cơ quan có thẩm quyền thì Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

đ) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án; tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.

g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Nhà thầu phụ (nếu có)

1. Đối với nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.

2. Nhà thầu tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của nhà thầu phụ.

3. Nhà thầu tư vấn cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng thầu phụ.

Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng. Nhà thầu có trách nhiệm gửi danh sách chi tiết nhân sự tham gia tư vấn thẩm định gửi chủ đầu tư (nội dung ghi rõ cá nhân phụ trách, năng lực, chức danh, công việc thực hiện) và được Chủ đầu tư chấp nhận.

2. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán theo Điều 10 [Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng].

6. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 15. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu tư vấn sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tư vấn.

Nhà thầu tư vấn phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 16. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 17. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu tư vấn, hoặc những thứ Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu tư vấn sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.

Điều 18. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tư vấn phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tư vấn phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 19. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại **ĐKCT**] mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 22 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc [quy định tại **ĐKCT**] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

d) Nhà thầu tư vấn bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

đ) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 24 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

e) Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 17 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là [quy định tại **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 24 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng] và Điều 23 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 20. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu tư vấn đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ trình cho Chủ đầu tư 08 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 20 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành [quy định tại **ĐKCT**]:

Lần 1: Sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành [quy định tại **ĐKCT**].

Lần cuối: Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Nhà thầu tư vấn cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Nhà thầu tư vấn phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng: Tổng thời gian thực hiện là [quy định tại **ĐKCT**].

2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian và phần công việc hoàn thành [quy định tại **ĐKCT**].

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 23. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: [quy định tại **ĐKCT**]

2. Tiến độ thanh toán:

- Số lần thanh toán là [quy định tại **ĐKCT**].

- Giá trị mà Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các lần thanh toán cụ thể là

— [quy định tại **ĐKCT**].

- Lần cuối cùng sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong hợp đồng.

- Trong vòng [quy định tại **ĐKCT**], kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

a) Đối với hợp đồng trọn gói:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này theo biểu mẫu quy định hiện hành (Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 hoặc văn bản khác theo quy định).

- Hóa đơn VAT.

4. Việc tạm ứng hoặc không tạm ứng do Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn xem xét, thống nhất theo đề nghị của Nhà thầu tư vấn bảo đảm phù hợp với yêu cầu của gói thầu, giảm bớt thủ tục không cần thiết.

5. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia

phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng [quy định tại **ĐKCT**]. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: [quy định tại **ĐKCT**].

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Giải quyết tranh chấp: [quy định tại **ĐKCT**].

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 25. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: Không thực hiện

2. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với Nhà thầu tư vấn:

- Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**] thì phạt [quy định tại **ĐKCT**] nhưng tổng số tiền phạt không quá [quy định tại **ĐKCT**].

- Một số vi phạm khác [quy định tại **ĐKCT**]

Đối với Chủ đầu tư: Không áp dụng.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 26. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại **ĐKCT**].

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ [quy định tại **ĐKCT**].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

2. Ngôn ngữ của hợp đồng: Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Đảm bảo công việc thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT cũng như các quy định hiện hành. Bên B bàn giao cho bên A:

- 02 bộ hồ sơ Báo cáo thẩm định Hồ sơ mời thầu;
- 02 bộ hồ sơ Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Điều 9. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền (đã bao gồm thuế VAT 8%): **4.700.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

2. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng:

Việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Đối với hợp đồng trọn gói, chỉ được điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký và các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 143 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

Giá hợp đồng sau điều chỉnh không làm vượt giá gói thầu hoặc dự toán gói thầu được phê duyệt (bao gồm cả chi phí dự phòng cho gói thầu đó) thì chủ đầu tư được quyền quyết định điều chỉnh, trong trường hợp này, thì bên giao thầu và bên nhận thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp vượt giá gói thầu hoặc dự toán gói thầu được phê duyệt thì phải được chấp thuận chủ trương điều chỉnh giá hợp đồng của người có thẩm quyền quyết định đầu tư trước khi thực hiện điều chỉnh và phải đảm bảo đủ vốn để thanh toán cho bên nhận thầu theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Việc điều chỉnh dự toán xây dựng, dự toán gói thầu, giá gói thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và pháp luật về đấu thầu.

Đối với những khối lượng phát sinh nằm ngoài phạm vi hợp đồng đã ký mà chưa có quy định về đơn giá hoặc phương pháp xác định đơn giá trong hợp đồng, các bên tham gia hợp đồng phải thỏa thuận, thống nhất đơn giá hoặc nguyên tắc, phương pháp xác định giá để thực hiện khối lượng công việc này trước khi thực hiện.

3. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng:

+ Trường hợp 1: Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, địch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.

+ Trường hợp 2: Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của bên giao thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp 3: Do việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên giao thầu, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng mà không do lỗi của bên nhận thầu gây ra.

+ Trường hợp 4: Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên giao thầu gây ra.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng không làm kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng (bao gồm cả thời gian được kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định của hợp đồng xây dựng) thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh.

Trường hợp điều chỉnh tiến độ làm kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư phải báo cáo Người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

3. Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng là 03 ngày.

Điều 19. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 14 ngày.

a) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 05 ngày.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 22 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc 03 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 14 ngày.

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 45 ngày.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 45 ngày.

Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 02 lần.

Lần 1: Sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành công việc thẩm định E-HSMT.

Lần 2: Sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành công việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng là **45 ngày** kể từ ngày Chủ đầu tư bàn giao đầy đủ hồ sơ trình thẩm định của từng nội dung thẩm định cho nhà thầu.

2. Tiến độ chi tiết:

- Đối với công việc lập Báo cáo thẩm định Hồ sơ mời thầu: Tối đa là 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ liên quan đến thẩm định hồ sơ mời thầu.

- Đối với công việc lập Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Tối đa là 35 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ liên quan đến thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Nếu trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Bên A hoặc Bên B gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên thương thảo và ký Phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 23. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

Nhà thầu không tạm ứng

2. Tiến độ thanh toán:

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu một 01 lần toàn bộ giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu.

- Trong vòng 20 ngày làm việc (điều kiện dự toán được giao cho Chủ đầu tư phải đảm bảo đủ số tiền thanh toán cho Nhà thầu), kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn

Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là trong vòng 07 ngày.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là 14 ngày.

Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Tòa án để xử lý tranh chấp theo các quy tắc, quy định của pháp luật là trong vòng 07 ngày.

Điều 25. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

- Phạt vi phạm chậm tiến độ hợp đồng

+ Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 07 ngày thì phạt 1% giá hợp đồng cho 07 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

- Một số vi phạm khác:

+ Khi Nhà thầu đơn phương hủy bỏ hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Chủ đầu tư gây ra, Nhà thầu sẽ chịu phạt 2% giá trị hợp đồng.

+ Nhà thầu vi phạm trong quá trình đấu thầu thì phải chịu xử phạt theo các quy định tại Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, ngày 27/02/2024 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

+ Nhà thầu vi phạm do không hoàn thành đủ số lượng sản phẩm hoặc chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu quy định trong hợp đồng kinh tế thì nhà thầu phải làm lại cho đủ và đúng chất lượng đồng thời chịu mức phạt tối đa 0,5% giá trị hợp đồng.

+ Đối với các hành vi vi phạm nghĩa vụ của nhà thầu tại Điều 11 mà chưa được nêu ở trên, Nhà thầu phải chịu mức phạt tối đa 0,5% giá trị hợp đồng (mức cụ thể do chủ đầu tư quyết định).

+ Đối với các hành vi vi phạm khác: Phạt vi phạm theo Nghị định 16/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Số tiền phạt tối đa bên nhận phải chịu là 12% giá trị hợp đồng.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: *Không áp dụng*

Điều 26. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm: Ngày 28 tháng 10 năm 2024.

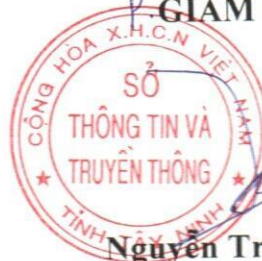
Hợp đồng này bao gồm 18 trang và được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 04 bản, Nhà thầu tư vấn sẽ giữ 02 bản.

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC**



Vũ Đức Tuấn

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trung Hiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

Số: *42* /2024/HĐTV

**Gói thầu: Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu
thiết bị phần cứng, phần mềm thuộc dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin
của Tỉnh ủy Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025**

GIỮA

VĂN PHÒNG TỈNH ỦY TÂY NINH

VÀ

CÔNG TY TNHH TÂY NAM PHÁT

Tây Ninh, ngày 04 tháng 6 năm 2024

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại Văn phòng Tỉnh ủy Tây Ninh chúng tôi gồm có:

1. Chủ đầu tư (Bên A):

- Tên giao dịch: Văn phòng Tỉnh ủy Tây Ninh.
- Địa chỉ: Số 180, đường 30 tháng 4, Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại: 0276 3822 134
- Tài khoản số: 9552.2.7924497 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh.
- Người đại diện: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhung Chức vụ: Chánh Văn phòng

2. Nhà thầu tư vấn (Bên B):

- Tên giao dịch: Công ty TNHH Tây Nam Phát.
- Địa chỉ: Số 27, Hẻm 1, Đường Nguyễn Văn Rốp, Khu phố 1, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại: 0914333852
- Tài khoản số: 5700 2010 10879 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Tây Ninh
- Mã số thuế: 3900368440
- Người đại diện: Ông Vũ Đức Tuấn Chức vụ: Phó Giám đốc

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thiết bị phần cứng, phần mềm thuộc dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin của Tỉnh ủy Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025, như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ Luật Dân sự năm 2015;
- Luật Đấu thầu năm 2023;
- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, ngày 05/9/2019 của Chính phủ về việc Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Thông tư số 02/2023/TT-BXD, ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

- Quyết định số 730/QĐ-UBND, ngày 24/3/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự án Ứng dụng công nghệ thông tin của Tỉnh ủy Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 569-QĐ/VPTU, ngày 01/02/2024 của Văn phòng Tỉnh ủy Tây Ninh về việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin của Tỉnh ủy Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 954/QĐ-UBND, ngày 15/5/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung thuộc dự án Ứng dụng công nghệ thông tin của Tỉnh ủy Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025;

- Biên bản hoàn thiện hợp đồng gói thầu: Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thiết bị phần cứng, phần mềm thuộc dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin của Tỉnh ủy Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025, ký ngày 27/5/2024 giữa Văn phòng Tỉnh ủy Tây Ninh và Công ty TNHH Tây Nam Phát;

- Quyết định số 689-QĐ/VPTU ngày 04/6/2024 của Văn phòng Tỉnh ủy Tây Ninh về việc phê duyệt chỉ định thầu, gói thầu: Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thiết bị phần cứng, phần mềm thuộc dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin của Tỉnh ủy Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025,

PHẦN 3. CÁC ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Văn phòng Tỉnh ủy Tây Ninh.
2. Nhà thầu tư vấn là Công ty TNHH Tây Nam Phát.
3. Bên mời thầu là Trung tâm Giám sát, điều hành kinh tế, xã hội tập trung tỉnh Tây Ninh.
3. Dự án là dự án Ứng dụng công nghệ thông tin của Tỉnh ủy Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025.
4. Gói thầu là Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thiết bị phần cứng, phần mềm thuộc dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin của Tỉnh ủy Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025.
6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.

7. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.

9. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn theo quy định tại Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên.

10. Ngày được hiểu là ngày Dương lịch và tháng được hiểu là tháng Dương lịch.

11. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

12. Quy định pháp luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói. [quy định tại ĐKCT]

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;
- b) Hợp đồng tư vấn;
- c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
- d) Các phụ lục của hợp đồng;
- đ) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng tư vấn áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường Phần mềm Văn phòng điện tử (Egov), bưu điện, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông

báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
2. Ngôn ngữ của hợp đồng: tiếng Việt. [quy định tại ĐKCT]

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không áp dụng.

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

1. Nội dung và khối lượng công việc Bên B thực hiện như sau:

- Bên A giao, Bên B đồng ý thực hiện gói thầu: Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thiết bị phần cứng, phần mềm thuộc dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin của Tỉnh ủy Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025. Gồm các công việc chủ yếu như sau:

- + Lập báo cáo thẩm định Hồ sơ mời thầu qua mạng (HSMT/HSYC);
- + Lập báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu;

- Bên B chịu trách nhiệm trước Bên A về khối lượng, chất lượng, tiến độ công việc thực hiện theo đúng Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

2. Bên B cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn bao gồm:

- Báo cáo thẩm định Hồ sơ mời thầu qua mạng (HSMT/HSYC);
- Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu;
- Các tài liệu, văn bản có liên quan đến quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn phải được Bên B hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với mỗi gói thầu là 04 bộ [quy định tại ĐKCT] .

- 04 Bộ hồ sơ báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ mời thầu (HSMT/HSYC);
- 04 Bộ hồ sơ báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn

1. Hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên.
2. Báo cáo thẩm định Hồ sơ mời thầu qua mạng (HSMT/HSYC); Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu được lập theo đúng quy định và được Bên A phê duyệt tại Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
3. Các quy định của pháp luật về quy chuẩn, tiêu chuẩn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành áp dụng cho hợp đồng tư vấn trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Điều 10. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng được xác định với số tiền: 38.864.509 đồng (số tiền bằng chữ: *Ba mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn năm trăm lẻ chín đồng*), đã bao gồm thuế VAT 8%. [quy định tại ĐKCT].
2. Giá trị cuối cùng của hợp đồng là giá trị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Quyền của Bên B:
 - a) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn.
 - b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Bên A hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.
 - c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.
 - d) Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.
2. Nghĩa vụ của Bên B:
 - a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.
 - b) Bảo quản và giao lại cho Bên A những tài liệu và phương tiện làm việc do Bên A cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).
 - c) Thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.
 - d) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

đ) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Bên B phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Bên B theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Bên B trong việc thực hiện công việc tư vấn được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Bên B để hoàn thành công việc tư vấn theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Bên B phải chịu trách nhiệm.

e) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

g) Nộp cho Bên A các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Bên B thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

h) Bên B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Bên A tổ chức.

i) Sản phẩm tư vấn phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Bên B phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực để thực hiện công việc tư vấn.

k) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên A cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn.

l) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn đã ký kết.

m) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Bên A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

n) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn đã ký kết.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Quyền của Bên A:

- a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn theo hợp đồng.
- b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn không đạt chất lượng theo hợp đồng.
- c) Kiểm tra chất lượng công việc của Bên B tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Bên B.
- d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.
- đ) Yêu cầu Bên B thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Bên A:

- a) Cung cấp cho Bên B thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng.
- b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.
- c) Giải quyết kiến nghị của Bên B theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.
- d) Thanh toán đầy đủ cho Bên B theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- đ) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Bên B.
- e) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Bên B nếu Bên A cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Nhân lực của Bên B

1. Nhân lực của Bên B và nhà thầu phụ (nếu có) phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật về lĩnh vực đang tư vấn.

2. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Bên A. Trong trường hợp này, Bên B phải gửi văn bản thông báo cho Bên A trong vòng 5 ngày làm việc [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

3. Bên B có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Bên A chấp thuận.

4. Bên B tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên B không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

1. Bên B sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Bên A được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Bên B.

2. Bên B phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Bên B thực hiện và cung cấp cho Bên A không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

3. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 15. Bảo hiểm

Bên B mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 16. Trường hợp bất khả kháng

1. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

2. Thông báo về bất khả kháng:

Khi Bên B gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

Bên B được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

3. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Bên B bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực

hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Bên B sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

- b) Bên A phải xem xét quyết định các đề nghị của Bên B.

- c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

Điều 17. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên A

Bên A có thể chấm dứt hợp đồng sau 7 ngày [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Bên B. Bên A sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

- a) Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 20 Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn.

- b) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 16.

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Bên A có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Bên A và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên B

Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu là 7 ngày [quy định tại ĐKCT] trong các trường hợp sau đây:

- a) Công việc bị ngừng do lỗi của Bên A.

- b) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Bên B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

Điều 18. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Bên A rằng Bên B đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Bên B sẽ trình cho Bên A 01 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Biên bản xác định giá trị công việc hoàn thành (mẫu 03.a)
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên A phải thanh toán cho Bên B.
- Và các tài liệu, hóa đơn, chứng từ có liên quan.

b) Nếu Bên A không đồng ý hoặc cho rằng Bên B chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Bên B sẽ cung cấp thêm thông tin khi Bên A có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Bên B sẽ chuẩn bị và trình cho Bên A quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

c) Hợp đồng được quyết toán sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho Bên B.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt hợp đồng theo Điều 17.

Điều 19. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần. Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn do Bên B cung cấp, Bên A căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật chuyên ngành để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn Bên B phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng. [quy định tại ĐKCT]

Điều 20. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn

1. Tổng thời gian thực hiện cho tất cả các gói thầu là 60 ngày, kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. [quy định tại ĐKCT]

- Tối đa 07 ngày cho mỗi loại công việc, kể từ ngày Bên B nhận hồ sơ yêu cầu thẩm định từ Bên mời thầu của Bên A, cụ thể:

+ Đối với công việc lập báo cáo thẩm định HSMT/HSYC: tối đa là 07 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình thẩm định HSMT/HSYC của Bên mời thầu.

+ Đối với công việc lập báo cáo thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất, kết quả lựa chọn nhà thầu: tối đa là 07 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất, kết quả lựa chọn nhà thầu của Bên mời thầu.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Bên B gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì Bên B phải thông báo cho Bên A biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính hoàn thành. Sau khi nhận được thông báo của Bên B, Bên A sẽ xem xét, trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Bên B.

Điều 21. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: không áp dụng.

2. Tiến độ thanh toán:

- Số lần thanh toán là 02 lần.

- Giá trị mà Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo các lần thanh toán cụ thể:

+ Lần 1: sau khi Bên B hoàn thành công việc theo hợp đồng và bàn giao cho Bên A đầy đủ hồ sơ theo quy định, hai bên tiến hành nghiệm thu xác định khối lượng, giá trị công việc, Bên A sẽ thanh toán 80% giá trị hợp đồng cho Bên B, tương ứng với số tiền 31.091.607 đồng.

+ Lần 2: Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị của hợp đồng sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Thời hạn thanh toán: trong vòng 14 ngày làm việc, kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên B.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Đề nghị thanh toán của Bên B bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.

- Biên bản xác định giá trị công việc hoàn thành (mẫu 03.a)

- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).

- Hóa đơn theo quy định.

4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 22. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. Trường hợp thương lượng không có kết quả thì các bên được quyền gửi vấn đề lên Tòa án Nhân dân thành phố Tây Ninh theo quy định của pháp luật trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Tòa án Nhân dân là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 23. Điều khoản chung

1. Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng.

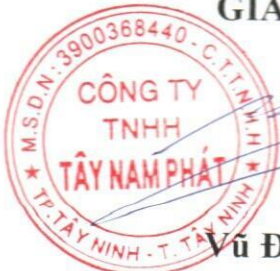
2. Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm ngày 04 / 6 /2024.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 06 (sáu) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG

Huỳnh Thị Hồng Nhung

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC

Vũ Đức Tuấn

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG
(Kèm theo Hợp đồng số *A2* /2024/HĐTV ngày *04* /6/2024)

Điều 1. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: không áp dụng

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn

Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với mỗi gói thầu là 4 bộ.

Điều 5. Giá hợp đồng

Giá hợp đồng được xác định với số tiền 38.864.509 đồng (số tiền bằng chữ: *Ba mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn năm trăm lẻ chín đồng*), đã bao gồm thuế VAT 8%.

Điều 6. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng là trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự.

Điều 7. Chấm dứt hợp đồng

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 07 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến nhà thầu tư vấn.

Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 20 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn], hoặc 15 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 07 ngày.

Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 45 ngày.

Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian 30 ngày.

Điều 8. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Báo cáo thẩm định Hồ sơ mời thầu qua mạng (HSMT/HSYC); Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu được lập theo đúng quy định và được Bên A phê duyệt tại Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

Điều 9. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn

1. Tổng thời gian thực hiện cho tất cả các gói thầu là 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ). Tối đa 07 ngày cho mỗi loại công việc, kể từ ngày Bên B nhận hồ sơ yêu cầu thẩm định từ Bên mời thầu của Bên A, cụ thể:

+ Đối với công việc lập báo cáo thẩm định HSMT/HSYC: tối đa là 07 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình thẩm định HSMT/HSYC của Bên mời thầu.

+ Đối với công việc lập báo cáo thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất, kết quả lựa chọn nhà thầu: tối đa là 07 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất, kết quả lựa chọn nhà thầu của Bên mời thầu.

Điều 10. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không áp dụng

2. Tiến độ thanh toán

- Số lần thanh toán là 02 lần.

- Giá trị mà Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo các lần thanh toán cụ thể:

+ Lần 1: sau khi Bên B hoàn thành công việc theo hợp đồng và bàn giao cho Bên A đầy đủ hồ sơ theo quy định, hai bên tiến hành nghiệm thu xác định khối lượng, giá trị công việc, Bên A sẽ thanh toán 80% giá trị hợp đồng cho Bên B, tương ứng với số tiền 31.091.607 đồng.

+ Lần 2: Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị của hợp đồng sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Thời hạn thanh toán: trong vòng 14 ngày làm việc, kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên B.

Điều 11. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là 07 ngày.

Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Tòa án Nhân dân theo quy định của pháp luật là 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hoà giải.

Điều 12. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm ngày 04 tháng 6 năm 2024.

Hợp đồng này được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 06 bản, Nhà thầu tư vấn sẽ giữ 02 bản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, Ngày 15 tháng 06 năm 2023

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN
Số: 300/2023/HĐ-TVĐT

Gói thầu: Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu: Thiết bị văn phòng

Dự án: Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện:
Châu Thành, Dương Minh Châu, Tân Biên.

GIỮA

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

VÀ

CÔNG TY TNHH TÂY NAM PHÁT

- Năm 2023 -

DANH MỤC VIẾT TẮT	3
PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH.....	4
PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG.....	4
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG.....	5
Điều 1. Diễn giải	5
Điều 2. Loại hợp đồng	5
Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên	5
Điều 4. Trao đổi thông tin.....	6
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng	6
Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc tư vấn	6
Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng	6
Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng	7
Điều 9. Giá hợp đồng	7
Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng.....	7
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn	8
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư.....	9
Điều 13. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn	9
Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu	10
Điều 15. Bảo hiểm.....	10
Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng.....	10
Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng	11
Điều 18. Chấm dứt hợp đồng.....	12
Điều 19. Quyết toán và thanh lý hợp đồng.....	13
Điều 20. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn.....	13
Điều 21. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng	14
Điều 22. Tạm ứng và thanh toán.....	14
Điều 23. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp	14
Điều 24. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại	15
Điều 25. Điều khoản chung	16
PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG.....	16
Điều 1. Loại hợp đồng	16
Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng	16
Điều 3. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng	16
Điều 4. Giá hợp đồng	16
Điều 5. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng.....	16
Điều 6. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn	17
Điều 7. Chấm dứt hợp đồng.....	17
Điều 8. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn.....	17
Điều 9. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng	17
Điều 10. Tạm ứng và thanh toán.....	18

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung	
ĐKCT	Điều kiện cụ thể	
HSMT	Hồ sơ mời thầu	
HSYC	Hồ sơ yêu cầu	
HSDT	Hồ sơ dự thầu	
HSDX	Hồ sơ đề xuất	
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.	
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.	
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.	
Nghị định số 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.	
Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.	
Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.	

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, Ngày 15 tháng 06 năm 2023 tại Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (sau đây gọi tắt là Bên A):

Tên giao dịch: **VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Đại diện là Ông: **Phan Văn Ne**

Chức vụ: **Phó Viện trưởng**

Địa chỉ: Số 52A Trần Phú, phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 0276 3822215

Fax: 0276 3827100

Tài khoản số: 9552.1.7909522

Tại: Kho bạc Nhà nước Tây Ninh

Tài khoản số: 9552.2.7909522

Tại: Kho bạc Nhà nước Tây Ninh

Mã số thuế: 3900803157

2. Nhà thầu (sau đây gọi tắt là Bên B):

Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH TÂY NAM PHÁT**

Địa chỉ: Số 27, hẻm 1, đường Nguyễn Văn Rốp, khu phố 1, phường 4, Tp. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện là ông: **Vũ Đức Tuấn**

Chức vụ: **Giám đốc**

Điện thoại: 0276.3811000

Số tài khoản: 661.10.00.0006945 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh tỉnh Tây Ninh.

Mã số thuế: 3900368440

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng tư vấn lập E-HSMT và đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thiết bị văn phòng thuộc dự án: Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện: Châu Thành, Dương Minh Châu, Tân Biên như sau:

PHẦN 2- CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/01/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, ngày 26/11/2013 của QH khoá XIII;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2021 sửa đổi Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;

Căn cứ Thông tư 02/2023/TT-BXD ngày 03/03/2023 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng ngày 15/06/2023 giữa Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh với Công ty TNHH Tây Nam phát về việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng tư vấn lập E-HSMT và đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thiết bị văn phòng thuộc dự án: Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện: Châu Thành, Dương Minh Châu, Tân Biên;

Căn cứ Quyết định số: 428/QĐ-VKS, ngày 15/06/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu: tư vấn lập E-HSMT và đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thiết bị văn phòng thuộc dự án: Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện: Châu Thành, Dương Minh Châu, Tân Biên.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh
2. Nhà thầu tư vấn là Công ty TNHH Tây Nam Phát
3. Dự án là dự án Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện: Châu Thành, Dương Minh Châu, Tân Biên
4. Công trình là Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện: Châu Thành, Dương Minh Châu, Tân Biên
5. Gói thầu là tư vấn lập E-HSMT và đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thiết bị văn phòng
6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
7. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.
8. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu tư vấn để trực tiếp thực hiện công việc.
9. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên].
10. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

11. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

12. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Trọn gói [quy định tại ĐKCT]

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên.

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;
- d) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
- e) Các phụ lục của hợp đồng;
- f) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4: Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt. [quy định tại ĐKCT]

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc

Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận thực hiện lập E-HSMT và đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thiết bị văn phòng thuộc dự án: Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện: Châu Thành, Dương Minh Châu, Tân Biên với yêu cầu sản phẩm phải đạt được như sau:

- Thay mặt Chủ đầu tư làm Bên mời thầu;
- Lập hồ sơ yêu cầu theo đúng quy định;
- Thành lập tổ chuyên gia với thành phần đầy đủ năng lực và kinh nghiệm;
- Tổ chức lựa chọn nhà thầu, xét thầu, lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đúng quy định và được Chủ đầu tư đồng ý, phê duyệt kết quả trúng thầu.
- Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất theo đúng quy định;
- Và các công việc khác thuộc trách nhiệm Bên mời thầu, nhưng phải đúng quy định.

Điều 7 : Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của Hợp đồng là: 08 bộ. [quy định tại ĐKCT].

Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên.

2. Hồ sơ mời thầu.

3. Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu.

4. Các văn bản, hồ sơ liên quan làm rõ Nội dung mời thầu và kết quả đánh giá Hồ sơ dự thầu.

5. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho Hợp đồng tư vấn xây dựng.

Điều 9. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền (bao gồm thuế VAT 10%): **8.611.000 đồng** [quy định tại ĐKCT].

(Bằng chữ: Tám triệu, sáu trăm mười một ngàn đồng)

b/ Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 10 [Điều chỉnh hợp đồng].

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Việc điều chỉnh khối lượng công việc

- Khối lượng điều chỉnh: là những khối lượng công việc phát sinh hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng đã ký, công việc ngoài phạm vi phải thực hiện theo thiết kế.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn [quy định tại ĐKCT].

2. Điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng:

- Việc Điều chỉnh giá hợp đồng được thực hiện trong thời gian thực hiện hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn theo thỏa thuận của hợp đồng.

- Điều chỉnh giá hợp đồng đối với trường hợp phát sinh khối lượng công việc hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng đã ký. Trường hợp này, khi điều chỉnh khối lượng không làm vượt giá gói thầu được phê duyệt thì chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng. Trường hợp vượt giá gói thầu được phê duyệt thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

- Các trường hợp bất khả kháng mà các bên không lường trước được khi ký hợp đồng, được Người quyết định đầu tư chấp thuận.

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của Hợp đồng do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải kiến nghị chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì nhà thầu phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho chủ đầu tư thì nhà thầu phải bồi thường.

- Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng tư vấn chậm so với tiến độ của Hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư thì chủ đầu tư phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp gây thiệt hại cho nhà thầu thì phải bồi thường.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên giao thầu gây ra cần thực hiện các công việc sau.

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

- Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn [quy định tại ĐKCT].

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn

1. Quyền của nhà thầu tư vấn:

a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi Điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư.

d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

e) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

2. Nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Bảo quản và giao lại cho chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

c) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

d) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

f) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

o) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền về nội dung công việc được thỏa thuận tại hợp đồng này và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn đã ký kết theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 62 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư

1. Quyền của chủ đầu tư:

- a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.
- b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.
- c) Kiểm tra chất lượng công việc của nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của nhà thầu tư vấn.
- d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng
- e) Yêu cầu bên nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của chủ đầu tư:

- a) Cung cấp cho nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).
- b) Giải quyết kiến nghị của nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.
- c) Thanh toán đầy đủ cho nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Hướng dẫn nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án và HSMT (hoặc HSYC); tạo Điều kiện để bên nhận thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với nhà thầu tư vấn.

f) Tạo Điều kiện cho bên nhận thầu thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).

g) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho nhà thầu tư vấn nếu bên giao thầu cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Nhân lực của nhà thầu

1. Nhân lực của nhà thầu và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng.

2. Trường hợp thay đổi nhân sự, nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà thầu thì nhân sự đó coi như được chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho chủ đầu tư trong vòng 05 ngày [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà Thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở thỏa thuận giữa hai bên.

6. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

1. Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép nhà thầu.

2. Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do nhà thầu thực hiện và cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

3. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 15. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho bên giao thầu đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Bên giao thầu phải bồi thường những tổn hại cho bên nhận thầu đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng

a) Nếu bên nhận thầu bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các Điều Khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của Hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các Điều Khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày

bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu tư vấn, hoặc những thứ Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu tư vấn sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.

Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi chủ đầu tư

- Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu, chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi nhà thầu

a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

17.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 18. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt Hợp đồng bởi chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 07 ngày [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng khi:

a) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 07 ngày [quy định tại ĐKCT] mà chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 21 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc 25 ngày [quy định tại ĐKCT] liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

c) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của chủ đầu tư.

d) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền Hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

đ) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 23 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

e) Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 16 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 7 ngày [quy định tại ĐKCT] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 45 ngày [quy định tại ĐKCT].

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 23 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 45 ngày [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 23 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 15 ngày [quy định tại ĐKCT].

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Giá hợp đồng] và Điều 22 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 19. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

1. Quyết toán Hợp đồng

a) Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của chủ

đầu tư rằng nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng, nhà thầu sẽ trình cho chủ đầu tư 10 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu tư vấn.

b) Nếu chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

c) Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 18 [Chấm dứt Hợp đồng].

3. Nếu giá trị phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền thấp hơn giá trị thanh toán thì nhà thầu phải có trách nhiệm nộp trả lại số tiền đã thanh toán thừa cho Chủ đầu tư.

Điều 20. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần. [quy định tại ĐKCT]:

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Nhà thầu tư vấn cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Nhà thầu tư vấn phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 21. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Thời gian thực hiện.

- Thời gian thực hiện công tác tư vấn lập hồ sơ yêu cầu, đánh giá hồ sơ yêu cầu được tính từ ngày bàn giao đầy đủ hồ sơ tài liệu kỹ thuật công trình cho đến ngày đơn vị tư vấn ra báo cáo đánh giá kết quả tư vấn lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng.

- Thời gian thực hiện hợp đồng là **60 ngày** (Kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian trên tính cả ngày thứ 7, chủ nhật và ngày lễ, nhưng không bao gồm thời gian thẩm định và phê duyệt). [quy định tại ĐKCT].

- Thời gian thực hiện công việc tư vấn lập E-HSMT và đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thiết bị văn phòng thuộc dự án: Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện: Châu Thành, Dương Minh Châu, Tân Biên phải đảm bảo đúng tiến độ theo kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Tiến độ chi tiết:

- Tiến độ chi tiết thực hiện hợp đồng kể từ ngày 15/6/2023 đến ngày 13/8/2023.

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem

xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 22. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không áp dụng

2. Tiến độ thanh toán

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu một 01 lần toàn bộ giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu.

- Khi Nhà thầu hoàn chỉnh thủ tục hồ sơ thanh toán theo qui định gửi cho Chủ đầu tư..

- Trong vòng 10 ngày làm việc (điều kiện dự toán được giao cho Chủ đầu tư phải đảm bảo đủ số tiền thanh toán cho Nhà thầu) [quy định tại ĐKCT], kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành
- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng
- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này nếu có.

- Xuất Hóa đơn thuế giá trị gia tăng theo quy định.

4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 23. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 07 ngày [quy định tại ĐKCT]. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài Khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài Khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian tiến hành hòa giải: trong vòng 10 ngày [quy định tại ĐKCT]

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án Nhân Dân tỉnh Tây Ninh để xử lý tranh chấp theo quy định của pháp luật. Quyết định

của Tòa án Nhân Dân là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.
[quy định tại ĐKCT]

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 24. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thương hợp đồng: Không áp dụng

2. Phạt vi phạm hợp đồng

- Khi bên B đơn phương hủy bỏ hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên A gây ra, Bên B sẽ chịu phạt 2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

- Bên B vi phạm về chất lượng: phạt 3% giá trị hợp đồng bị vi phạm về chất lượng.

- Bên B vi phạm về tiến độ thực hiện hợp đồng:

+ Nếu vượt thời gian thực hiện hợp đồng quá 10 ngày: phạt 5% giá trị hợp đồng.

+ Nếu vượt thời gian thực hiện hợp đồng quá 20 ngày: phạt 10% giá trị hợp đồng.

- Nếu Bên B vi phạm trong quá trình đấu thầu thì phải chịu xử phạt theo các quy định của Pháp luật Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực đấu thầu.

Tổng mức phạt cho một hợp đồng không được vượt quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

+ Nếu bên B vi phạm một trong các nội dung vi phạm quy định tại Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng thì xử phạt theo Nghị định trên.

- Thu hồi phạt vi phạm hợp đồng:

- Căn cứ thông báo của Chủ đầu tư về việc vi phạm của nhà thầu về các điều kiện hợp đồng và thu phạt vi phạm theo pháp luật quy định.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: áp dụng

- Cụ thể Chủ đầu tư sẽ yêu cầu Nhà thầu bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế mà Nhà thầu gây ra do sai sót trong quá trình giám sát thi công xây dựng công trình và mức bồi thường theo quy định hiện hành.

Điều 25. Điều Khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các Điều Khoản, quy định và Điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các Điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo Mục tiêu của Hợp đồng.

(Trường hợp thời gian hiệu lực của hợp đồng khác do các bên thỏa thuận)

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ [quy định tại ĐKCT].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

2. Ngôn ngữ của hợp đồng

Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 3. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là 08 bộ.

Điều 4. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền (đã bao gồm thuế VAT): **8.611.000 đồng**

(Bằng chữ: Tám triệu, sáu trăm mười một ngàn đồng)

Điều 5. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

2. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng:

a) Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn

- Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các bên thỏa thuận Điều chỉnh tương ứng.

- Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết mà chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được xác định trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng và quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Các bên phải ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán hợp đồng.

b) Trình tự:

- Khi phát sinh khối lượng công việc bổ sung hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng hoặc khi bổ sung khối lượng công việc hợp lý chưa có đơn giá trong hợp đồng, thì các bên tham gia hợp đồng thống nhất đơn giá công việc này trước khi thực hiện. Đơn giá mới được xác định theo Thông tư hướng dẫn về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng và các thỏa thuận trong hợp đồng.

- Đối với các trường hợp bất khả kháng, bất khả kháng khác: Đơn giá cho các công việc phải khắc phục hậu quả bất khả kháng được xác định căn cứ vào Điều kiện thực tế, Thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng. Nếu đơn giá có trong hợp đồng đã ký kết thì áp dụng theo đơn giá này nếu không có thì đơn giá xác định theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá mới cho khối lượng công việc bổ sung, phát sinh bổ sung ngoài phạm vi hợp đồng.

c) Thủ tục

- Các bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng làm cơ sở Điều chỉnh giá hợp đồng.

- Bên A có trách nhiệm phê duyệt hoặc trình phê duyệt dự toán bổ sung, phát sinh do nhà thầu lập, làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng. Nhà thầu (Bên B) lập dự toán bổ sung, phát sinh trên cơ sở khối lượng bổ sung, phát sinh được thống nhất giữa các bên, đúng quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các thỏa thuận trong hợp đồng.

3. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng

a) Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.

b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của bên giao thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

c) Do việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên giao thầu, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng mà không do lỗi của bên nhận thầu gây ra.

d) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên giao thầu gây ra.

Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng không làm kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng (bao gồm cả thời gian được kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định của hợp đồng xây dựng) thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ làm kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư phải báo cáo Người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

Điều 6. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

3. Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng là 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự.

Điều 7. Chấm dứt hợp đồng

a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 07 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến nhà thầu tư vấn.

- Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 07 ngày mà chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

- Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 21 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc 45 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

b) Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 07 ngày trong các trường hợp sau đây:

- Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 45 ngày.

- Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 23 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

- Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 45 ngày.

Điều 8. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần

Điều 9. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng là **60 ngày** (Kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian trên tính cả ngày thứ 7, chủ nhật và ngày lễ, nhưng không bao gồm thời gian thẩm định và phê duyệt)

2. Tiến độ chi tiết

- Tiến độ chi tiết thực hiện hợp đồng kể từ ngày 15/6/2023 đến ngày 13/8/2023.

Điều 10. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không thực hiện

2. Tiến độ thanh toán

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu một 01 lần toàn bộ giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu.

- Trong vòng 10 ngày làm việc (điều kiện dự toán được giao cho Chủ đầu tư phải đảm bảo đủ số tiền thanh toán cho Nhà thầu) [quy định tại ĐKCT], kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

Điều 11. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là trong vòng 07 ngày.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là trong vòng 10 ngày.

Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật là trong vòng 30 ngày.

Giải quyết tranh chấp thực hiện theo quy định.

Điều 12. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: Không áp dụng

2. Phạt vi phạm hợp đồng

- Khi bên B đơn phương hủy bỏ hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên A gây ra, Bên B sẽ chịu phạt 2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

- Bên B vi phạm về chất lượng: phạt 3% giá trị hợp đồng bị vi phạm về chất lượng.

- Bên B vi phạm về tiến độ thực hiện hợp đồng:

+ Nếu vượt thời gian thực hiện hợp đồng quá 10 ngày: phạt 5% giá trị hợp đồng.

+ Nếu vượt thời gian thực hiện hợp đồng quá 20 ngày: phạt 10% giá trị hợp đồng.

- Nếu Bên B vi phạm trong quá trình đấu thầu thì phải chịu xử phạt theo các quy định của Pháp luật Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực đấu thầu.

Tổng mức phạt cho một hợp đồng không được vượt quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

+ Nếu bên B vi phạm một trong các nội dung vi phạm quy định tại Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng thì xử phạt theo Nghị định trên.

- Thu hồi phạt vi phạm hợp đồng:

- Căn cứ thông báo của Chủ đầu tư về việc vi phạm của nhà thầu về các điều kiện hợp đồng và thu phạt vi phạm theo pháp luật quy định.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: áp dụng: Cụ thể Chủ đầu tư sẽ yêu cầu Nhà thầu bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế mà Nhà thầu gây ra do sai sót trong quá trình tư vấn lập E-HSMT và đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thiết bị văn phòng và mức bồi thường theo quy định hiện hành.

Điều 13. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

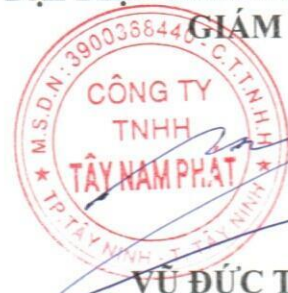
Hợp đồng này bao gồm 21 trang được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 06 bản, Nhà thầu tư vấn sẽ giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



PHAN VĂN NE

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU TƯ VẤN
GIÁM ĐỐC



VŨ ĐỨC TUẤN

